

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Giang.

Ông Trần Minh Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự - hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phan Thị S, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Khu vực 4, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày: Vào năm 2012 bà có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị N làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi ngày 09/02/2012 (âl) hụi 1.000.000 đồng/10 ngày, hụi có 47 phần, bà tham gia 01 phần, trong sổ hụi ghi tên Chị Vĩ, bà đóng được 23 lần với số tiền 12.500.000 đồng nhưng theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được 23.000.0000 đồng. Ngoài ra bà còn mua lại của bà Thảo dây hụi này với số tiền 28.020.000 đồng bà đã giao đủ số tiền mua hụi cho bà N là 28.020.000 đồng. Đến năm 2013 bà N tuyên bố bẻ hụi, không trả cho bà số tiền hụi được hưởng 23.000.000 đồng và tiền hụi bà đã mua của bà Thảo 28.020.000 đồng, tổng cộng 51.020.000 đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà N trả lại số tiền đóng hụi thực tế 12.500.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật và số tiền mua hụi 28.020.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa người làm chứng bà Huỳnh Thị Sáu trình bày: Bà có tham gia dây hụi ngày 09/02/2012 cùng với bà S do bà N làm chủ, hụi có 47 phần bà tham gia 01 phần, bà biết dây hụi này bà N còn nợ bà S nhưng không biết bao nhiêu.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa người làm chứng bà Phạm Thị Ánh trình bày: Bà có tham gia dây hụi ngày 09/02/2012 cùng với bà S do bà N làm chủ, hụi có 47 phần bà tham gia 02 phần, bà biết dây hụi này bà N còn nợ bà S nhưng không biết cụ thể bao nhiêu.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 người làm chứng ông Trịnh Ngọc Thanh trình bày: Ông có tham gia dây hụi ngày 09/02/2012 cùng với bà S do bà N làm chủ, hụi có 47 phần ông tham gia 02 phần, ông biết dây hụi này bà N còn nợ bà S nhưng không biết cụ thể bao nhiêu. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của

những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà S đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71, Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,72, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà N. Đối với người làm chứng ông Trịnh Ngọc Thanh có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thanh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự – hui” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung vụ án:

Theo bà Phan Thị S trình bày năm 2012 bà có tham gia chơi hui do bà N làm chủ, tổng số tiền bà đã đóng là 12.500.000 đồng nhưng theo thỏa thuận chơi hui thì bà được hưởng 23.000.000 đồng, ngoài ra bà còn mua lại chân hui của bà Thảo số tiền 28.020.000 đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà N trả số tiền thực đóng 12.500.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật và số tiền mua hui là 28.020.000 đồng. Đối với bà N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự – hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/02/2012 âm lịch bà S có tham gia dây hui 1.000.000 đồng/10 ngày, hui có 47 phần, bà tham gia 01 phần trong danh sách chơi hui ghi tên chị Vĩ, bà đã đóng được 23 lần, số tiền đóng từng lần bà không nhớ cụ thể bao nhiêu nhưng tổng số

tiền bà đã đóng là 12.500.000 đồng, theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng là 23.000.000 đồng. Ngoài ra bà Thảo có tham gia dây hụi này cùng với bà do bà N làm chủ, bà đã mua lại phần hụi này của bà Thảo với số tiền 28.020.000 đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà N trả số tiền hụi thực đóng là 12.500.000 đồng, lãi suất theo quy định và số tiền mua hụi của bà Thảo là 28.020.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của bà Phan Thị S Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào năm 2014 bà Phan Thị S có đơn tố cáo bà Trần Thị N có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là số tiền hụi của bà đã đóng cho bà N tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ).

[6] Ngày 10/12/2014 tại biên bản lấy lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ) thì bà S trình bày bà có tham gia dây hụi ngày 09/02/2012 âm lịch do bà N làm chủ, hụi 1.000.000 đồng/10 ngày, hụi có 47 phần bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên chị Vĩ, bà đã đóng được 23 lần số tiền 12.500.000 đồng, ngoài ra bà còn mua lại phần hụi của bà Thảo số tiền 28.020.000 đồng. Tổng cộng 40.520.000 đồng, sau đó bà N có viết biên nhận cho bà và đã trả được 3.500.000 đồng còn lại 37.000.000 đồng, bà yêu cầu bà N trả số tiền 37.000.000 đồng.

[7] Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2014 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ) bà N trình bày: Dây hụi ngày 09/02/2012 bà S đóng được 23 lần số tiền 12.500.000 đồng nhưng chưa hết và mua lại phần hụi của bà Thảo số tiền 28.020.000 đồng. Trong biên nhận ngày 03/11/2012 bà N thừa nhận phần hụi bà S mua của bà Thảo là 28.020.000 đồng, mặt sau biên nhận bà N thừa nhận bà S đã đóng được 12.500.000 đồng. Như vậy bà S và bà N thống nhất số tiền hụi bà S đã đóng là 12.500.000 đồng và phần tiền bà S mua lại phần hụi của bà Thảo là 28.020.000 đồng, tổng cộng 40.520.000 đồng.

[8] Tại phiên tòa bà S yêu cầu bà N trả lại số tiền đóng hụi thực tế 12.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Do bà S không nhớ số tiền cụ thể đóng từng tháng thời gian nào, nhưng ngày 26/12/2014 bà N thừa nhận bà S đã đóng được 12.500.000 đồng do đó Hội đồng xét xử tính số tiền lãi từ ngày 26/12/2014. Thời điểm các bên tranh chấp năm 2014 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN

ngày 29/11/2010 của ngân hàng nhà nước quy định mức cho vay cơ bản là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng,  $0,75\% \times 150\% = 1,125\%$ /tháng.

[9] Từ ngày 26/12/2014 đến xét xử sơ thẩm 21/9/2020 là 05 năm 08 tháng (68 tháng) 26 ngày:  $12.500.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 68 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 9.684.375 \text{ đồng}$ . Tổng cộng vốn lãi là  $12.500.000 \text{ đồng} + 9.684.375 \text{ đồng} = 22.184.375 \text{ đồng}$ . Phần hui bà S mua của bà Thảo là 28.020.000 đồng, tổng cộng bà N phải trả cho bà S là:  $28.020.000 + 22.184.375 = 50.204.375 \text{ đồng}$ , bà S thừa nhận bà N đã trả được 3.500.000 đồng nên bà N còn trả bà S số tiền  $50.204.375 \text{ đồng} - 3.500.000 \text{ đồng} = 46.704.375 \text{ đồng}$ .

[10] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định;

[12] *Vì các lễ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 91, 147, 227, 229 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 .

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị S.

Buộc bị đơn bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phan Thị S số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 46.704.375 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bà Phan Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy

định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị N phải chịu là 2.335.218 đồng (*hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười tám đồng*).

Bà Phan Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.275.000 đồng (*một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000726 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn bà Phan Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/9/2020. Bị đơn bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Trần Văn Lãm**